NGÀNH ĐIỆN ĐẨY MẠNH NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO

Ngành điện là ngành ít chịu rủi ro, hoạt động liên tục bất chấp chu kỳ kinh tế. Ảnh hưởng từ dịch bệnh năm 2020 khiến nền kinh tế tăng trưởng chậm lại, tuy nhiên ngành điện có triển vọng phục hồi tích cực nhờ nhu cầu điện tiếp tục tăng cao trong những năm tới trong bối cảnh dự báo tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam đạt 5% năm 2020 và duy trì ở mức cao 6.5%-7% trong những năm sau đó, trong đó động lực chính vẫn là ngành sản xuất và xây dựng.

Ngành điện Việt Nam hiện đang đối diện với sự thiếu hụt khi tăng trưởng tiêu thụ điện nhanh hơn tăng trưởng sản lượng điện. Năng lượng tái tạo được hưởng lợi từ hỗ trợ của Chính phủ và được dự kiến sẽ phát triển mạnh trong 5 năm tới: Trong khi nhu cầu điện vẫn tiếp tục tăng trung bình 10%/năm, năng lượng tái tạo là giải pháp quan trọng để giải quyết vấn đề nguồn điện sau năm 2020 khi cả nước không có nhiều nguồn đưa vào khai thác mới. Chính phủ đang có nhiều chính sách khuyên khích năng lượng tái tạo (1) ưu đãi về giá điện gió (với mức giá điện trong đất liền là 8,5 Uscents/kWh và điện gió trên biển là 9,8 Uscents/kWh) đến cuối năm 2021, (2) giá điện mặt trời ưu đãi cho các dự án vận hành thương mại trước 31/12/2020 (từ 1.644 đồng-1.943/ kwh).

I. TÔNG QUAN NGÀNH ĐIỆN

- **Tổng quan cung cầu thị trường ngành điện**

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2020, sản lượng điện sản xuất và nhập khẩu toàn hệ thống đạt 119,42 tỷ kWh, tăng 1,74% so với cùng kỳ năm 2019. Tốc độ sản lượng điện sản xuất hàng năm tăng đều mỗi năm, CAGR giai đoạn 2013-2019 là 10.8%. Động lực tăng trưởng chính của ngành điện đến từ tăng trưởng kinh tế Việt Nam và đặc biệt đến từ lĩnh vực xây dựng khi nền kinh tế Việt Nam phát triển theo hướng công nghiệp hóa –hiện đại hóa.

Nhu cầu điện tiếp tục tăng trưởng mạnh, tốc độ tăng trưởng tiêu thụ điện trung bình từ năm 2013 đến hết năm 2019 đạt 10.8%. Tỉ lệ hao hụt điện trên lưới cũng giảm từ mức 8.87% năm 2013 về còn 6.5% năm 2019. Tính đến cuối tháng 6, nhu cầu điện năm 2020 đạt 103,17 tỷ kWh, tăng 2,29% so cùng kỳ năm trước.

Sản lượng điện sản xuất và tiêu thụ hàng năm của Việt Nam

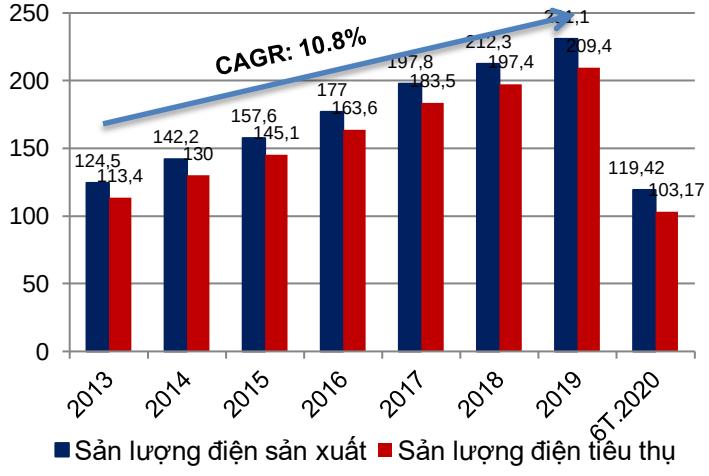

Nguồn: EVN, PSI tổng hợp

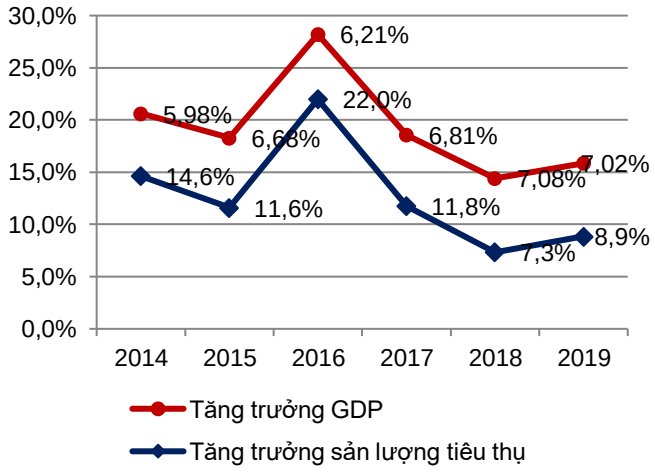

Nguồn: EVN, GSO, PSI tổng hợp

➢ **Công suất lắp đặt**

Tính đến cuối năm 2019, tổng công suất lắp đặt nguồn điện toàn hệ thống đạt 54.880MW. Quy mô hệ thống điện Việt Nam đứng thứ 2 khu vực ASEAN (sau Indonesia) và thứ 23 thế giới.

Nguồn điện chủ yếu tập trung vào thủy điện (35%), nhiệt điện than (38%) và nhiệt điện khí (19%). Theo Quy hoạch Điện VII Điều chỉnh, tổng công suất lắp đặt đến năm 2025 đạt 96.500 MW và năm 2030 sẽ gia tăng lên 129,500 MW. Trong đó, tỷ trọng thủy điện giảm còn 17%, nhóm nhiệt điện duy trì đóng góp 57% và mảng hoạt động mới là năng lượng tái tạo sẽ được đẩy mạnh lên 21%. Xu hướng này được thể hiện qua cơ cấu công suất điện thay đổi hàng năm.

Tổng công suất điện lắp đặt (MW)

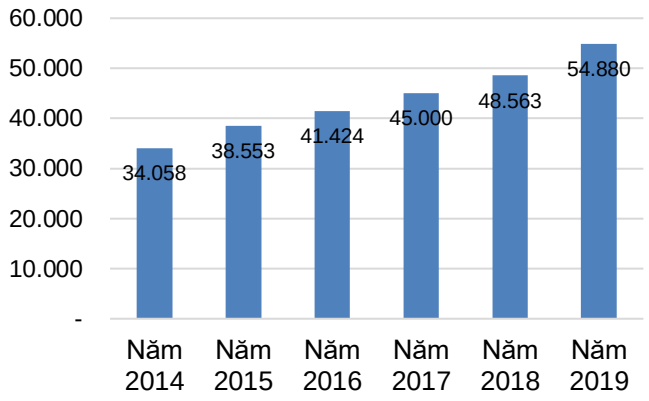

Cơ cấu công suất sản xuất điện (triệu kwh)

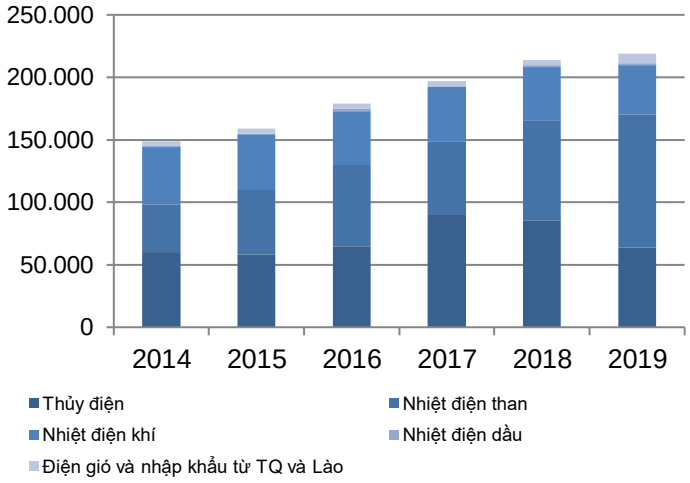

Nguồn: EVN, PSI tổng hợp

Nguồn điện năng cả nước có sự phân hóa mạnh mẽ theo khu vực và điều kiện tự nhiên với nhóm nhiệt điện than tập trung chủ yếu ở phía Bắc (chiếm 45% sản lượng điện), nhiệt điện khí và dầu (20%) tập trung ở miền Nam và nhóm thủy điện (33%) tập trung dọc theo hệ thống sông ngòi, chủ yếu ở 3 hệ thống sông Đồng Nai, sông Sê San và sông Đà.

Trong khi đó, khu vực miền Nam được xem là điểm nóng nhất về lượng tiêu thụ điện, nhu cầu phụ tải của hệ thống điện miền Nam chiếm 50% tổng nhu cầu cả nước nhưng nguồn điện tại chỗ chỉ đáp ứng được 80% nhu cầu, khiến phần điện thiếu còn lại phải chuyển truyền tải từ phía Bắc và miền Trung qua đường dây 500kV.

Luỹ kế 6 tháng đầu năm, sản lượng điện than tăng 16,3% so với cùng kỳ trong khi điện khí và thuỷ điện giảm do (1) trong nửa đầu năm 2020 xảy ra tình trạng thiếu khí sản xuất điện cùng với lượng nước về các hồ thuỷ điện không đạt ngưỡng cho phép, sản lượng điện từ 2 nguồn này có phần sụt giảm (2)Thủ tướng đã phê duyệt cho phép các nhà máy điện được nhập khẩu than nếu TKV không đảm bảo cung cấp đủ cho sản xuất.

Cơ cấu sản lượng điện huy động 6T.2020

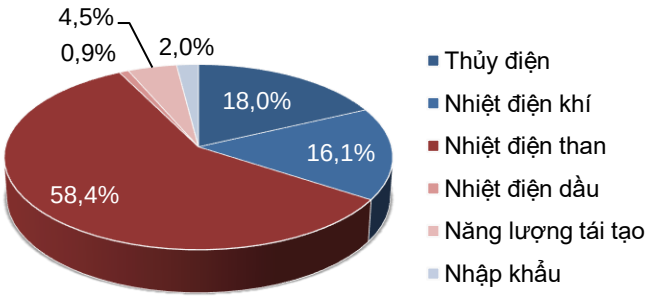

Cơ cấu sản lượng theo loại nhà máy 2019

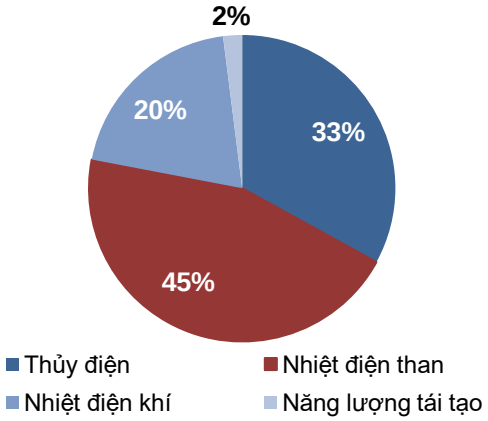

Nguồn: EVN, PSI tổng hợp

Việc trễ tiến độ các dự án khí Lô B Ô Môn và Cá Voi Xanh có khả năng gia tăng tình trạng thiếu hụt điện tại khu vực miền Nam, đặc biệt từ 2022. Một số giải pháp đề xuất của BCT tập trung vào (i) việc cân nhắc cơ chế phù hợp để phát triển dự án khí Lô B Ô Môn và các dự án khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG) để thay thế một số dự án điện than; (ii) gia tăng nhập khẩu điện từ Lào và Trung Quốc.

Cụ thể, cho phép Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) đàm phán với Công ty Lưới điện Phong Nam của Trung Quốc (CSG) tăng nhập khẩu điện qua các đường dây 220 KV từ năm 2022 và qua cấp điện áp 500 KV từ năm 2025. Với các đề xuất trên, nhóm nhiệt điện khí nhiều khả năng sẽ được ưu tiên phát triển trong thời gian tới.

Cơ cấu công suất lắp đặt theo Nhà đầu tư

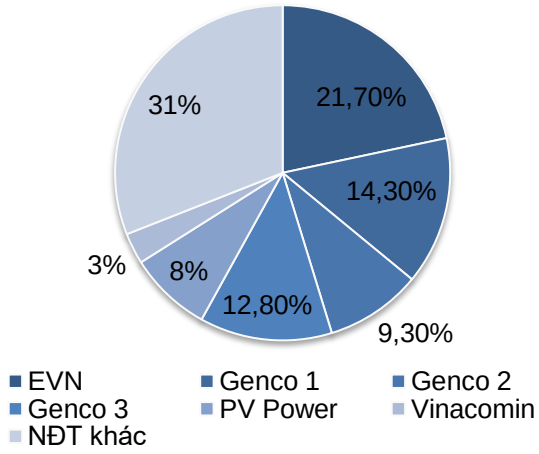

Phân loại các đối tượng tiêu thụ điện

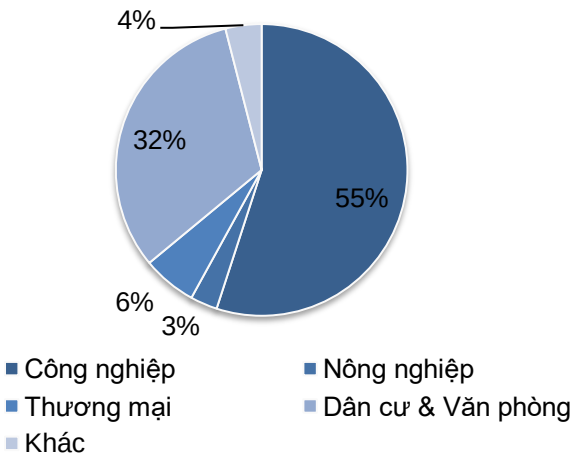

- **Lộ trình phát triển Thị trường bán buôn điện cạnh tranh**

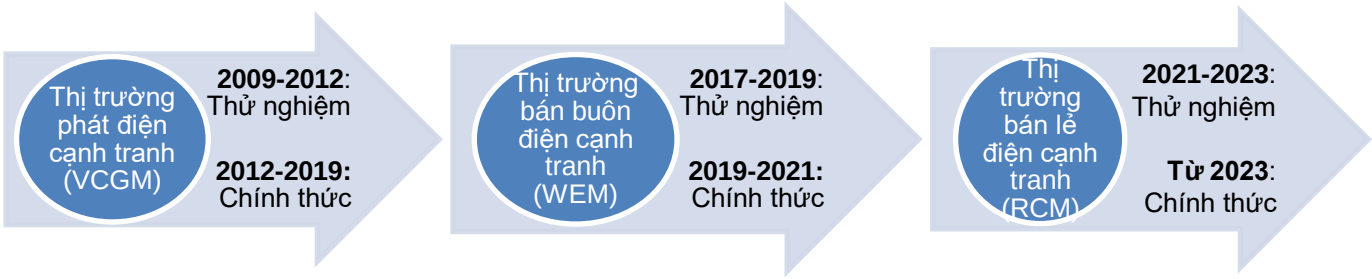

Từ ngày 1/1/2019, thị trường chuyển từ phát điện cạnh tranh sang cấp độ thị trường bán buôn điện cạnh tranh với việc 05 tổng công ty phát điện quốc gia (GENCO), gồm tổng công ty phát điện 1,2,3 (GENCO 1,2,3) của EVN, PVN và Vinacomin PV Power được quyền bán buôn điện cạnh tranh. Mặc dù có thêm nhà bán buôn điện là PVN và Vinacomin nhưng tầm ảnh hưởng của EVN lên toàn ngành vẫn rất lớn khi chiếm tới 60% nguồn phát điện, độc quyền truyền tải và bán lẻ.

Một điểm khác biệt lớn giữa Thị trường bán buôn điện cạnh tranh (VWEM) và Thị trường phát điện cạnh tranh (VCGM) đó là trong VCGM chỉ có 1 đơn vị mua buôn điện duy nhất là EPTC thuộc EVN, còn trong VWEM thì ngoài EPTC thì 5 Tổng Công ty Điện lực và khách hàng mua buôn cũng được phép mua buôn điện trực tiếp từ các nhà máy phát điện.

Thị trường phát điện cạnh tranh (WCM) cho đến nay được Bộ Công Thương đánh giá là đã đạt được những thành công nhất định khi khởi đầu chỉ có 34 nhà máy tham gia, nay tăng lên 87 nhà máy và tính minh bạch ngày càng cao, tuy nhiên vẫn có nhiều khó khăn trong vận hành, quản lý. Theo quy định, các nhà máy phát điện sẽ chào giá lên sàn, công ty mua bán điện quyết định mua điện của doanh nghiệp theo giá chào từ thấp đến cao, vì vậy có nhiều trường hợp nhà máy thuỷ điện nhỏ không thể cạnh tranh và bị ép giá.

Hiện nay, EVN đang nắm giữ hầu như toàn bộ bán buôn và bán lẻ, việc thực hiện cấp độ thị trường bán buôn, bán lẻ điện cạnh tranh sẽ mở rộng sự tham gia đối với các đơn vị trong và ngoài EVN và liên quan chặt chẽ tới nội dung tái cấu trúc EVN và cả ngành điện.

- **Việt Nam vẫn phải nhập khẩu điện mặc dù cung đang vượt cầu**

Nhu cầu điện tăng cao khiến cho ngành điện Việt Nam luôn phải căng sức bổ sung thêm nguồn cung mới bằng cách huy động nguồn nhiệt điện chạy dầu để đảm bảo an ninh năng lượng. Mặc dù công suất lắp đặt điện của Việt Nam tăng mạnh trong những năm gần nhưng tình trạng thiếu điện vẫn còn tiếp tục diễn ra. Hàng năm, Việt Nam vẫn phải nhập khẩu điện từ Trung Quốc và Lào để đáp ứng kịp thời nhu cầu điện năng tăng cao trong mùa khô, cho dù sản lượng nhập chỉ chiếm một phần rất nhỏ.

Nguyên nhân chủ yếu là do mất cân đối giữa điện năng tiêu thụ và sản xuất giữa các miền. Miền Nam có sản lượng điện tiêu thụ cao nhất cả nước, chiếm hơn 50% nhưng nguồn cung chỉ đáp ứng được khoảng 80%. Trong khi đó, ở miền Bắc và miền Trung lại xảy ra tình trạng thừa cung.

Tỷ trọng công suất lắp đặt và tiêu thụ theo miền 6T.2020 (tỷ kwh)

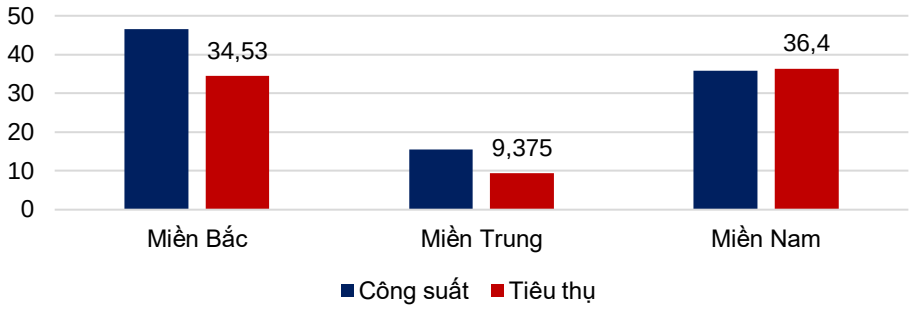

Nguồn: EVN

➢ **Mô hình Porter's Five Force**

- Nhu cầu điện hiện nay vẫn tăng mạnh, thường xảy ra tình trạng thiếu điện nên hầu như không có tính cạnh tranh giữa các nhà máy điện
Chi phí rời ngành cao
- Quy mô 1 nhà máy tương đối nhỏ. Hiện tại Việt Nam có hơn 160 nhà máy điện với công suất bình quân 300 MW/nhà máy. Trong đó, có 36 nhà máy có công suất lớn hơn 300 MW, chiếm 54% tổng công suất thị trường.
- Mở rộng công suất nhà máy tốn kém chi phí và nhiều thời gian

Trong khâu phát điện ít có nhiều rào cản gia nhập ngành: chủ yếu do vốn đầu tư lớn, sự chấp thuận từ chính quyền địa phương. Khâu truyền tải và phân phối vẫn thuộc quản lý nhà nước

Điện năng không có sản phẩm thay thế

Hiện nay người tiêu dùng chưa thể trực tiếp đàm phán mua điện mà giá bán lẻ vẫn do nhà nước Quy đinh.

Nguồn cung than và khí có giới hạn, các nhà cung cấp chiếm ưu thế trong ngành.

Dòng vốn FDI vào Việt Nam hàng năm tập trung trong lĩnh vực sản xuất và xây dựng là nhân tố chính gia tăng nhu cầu tiêu thụ điện

Tỷ lệ tiêu thụ điện theo ngành

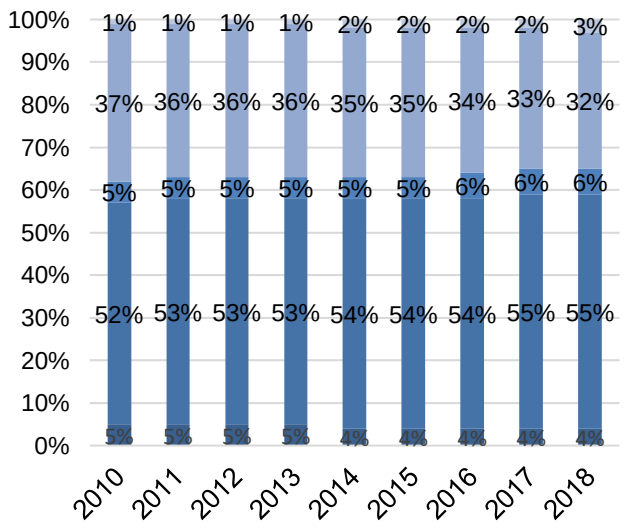

Dòng vốn FDI hàng năm

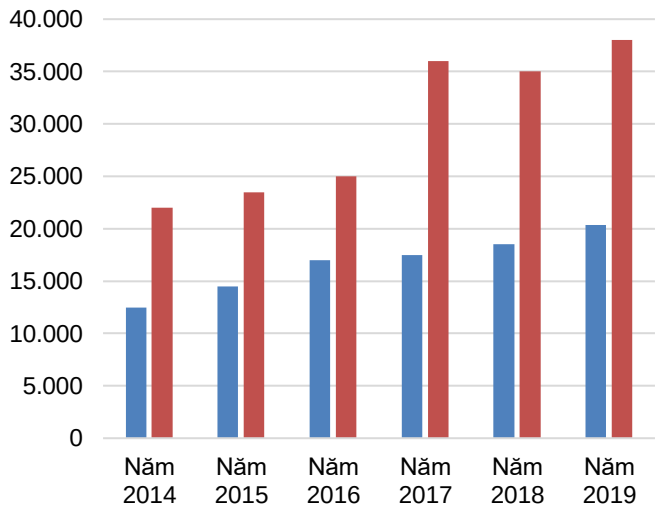

Ngành công nghiệp và xây dựng là ngành tiêu thụ điện lớn nhất trong nước, luôn chiếm hơn 50% tổng sản lượng tiêu thụ. Sản lượng điện sử dụng của các doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp, xây dựng liên tục tăng trong giai đoạn 2010 – 2018. Nguyên nhân chính là nhờ môi trường đầu tư thuận lợi, nhân công giá rẻ đã tiếp tục thu hút lượng lớn dòng vốn FDI đầu tư vào Việt Nam, trong đó lĩnh vực công nghiệp và xây dựng thường chiếm đến 2/3 tổng vốn FDI.

II. TÌNH HÌNH CÁC YẾU TỐ ĐẦU VÀO

1. Tình hình thuỷ văn

Thuỷ điện hiện đạt 18% tổng sản lượng điện cả nước trong khi công suất thuỷ điện chiếm 37% tổng công suất lắp đặt, do đó khí hậu có ảnh ưởng đến lượng điện sản xuất của các nhà máy thuỷ điện. Việc sản xuất của các nhà máy thủy điện phụ thuộc rất lớn vào lượng mưa trong năm. Những năm xảy ra hiện tương El Nino, lượng mưa ít dẫn đến sản lượng điện của các nhà máy thủy điện sụt giảm mạnh. Trong khi đó, thủy điện là nguồn điện có chi phí sản xuất thấp và luôn được ưu tiên huy động trước các loại hình sản xuất điện khác dẫn đến việc thiếu hụt điện khá lớn trong những năm này.

Tình hình thủy văn đầu năm 2020 không thuận lợi, tổng sản lượng 6 tháng mùa khô năm 2020 giảm 27,8 % so với cùng kỳ. Nguyên nhân do tình hình cung ứng điện từ tháng 3-6/2020 sẽ gặp rất nhiều khó khăn, lượng nước về các hồ thủy điện tiếp tục kém, trong khi đó, nắng nóng khả năng sẽ xuất hiện sớm.

Tuy nhiên, 6 tháng cuối năm có dấu hiệu tích cực từ thuỷ điện. Mức giảm sản lượng so với cùng kỳ năm ngoái đang giảm dần, theo Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia, Từ tháng 6 trở đi, mưa có xu hướng xấp xỉ đến cao hơn trung bình nhiều năm, đặc biệt ở khu vực Miền Trung trong các tháng cuối năm 2020. Mùa mưa dự kiến rơi vào những tháng cuối năm từ tháng 9-11 năm 2020.

2. Nguồn khí đầu vào

2.1 Tình trạng thiếu hụt khí ảnh hưởng đến sản lượng điện

Nguồn cung cấp khí của các nhà máy điện khí ở Việt Nam đều được lấy từ các mỏ khí ngoài khơi khu vực bể dầu khí Cửu Long, Nam Côn Sơn và Malay- Thổ Chu. Sau nhiều năm khai thác, trữ lượng các mỏ khí ở gần bở ngày càng giảm, đặc biệt là các mỏ khí Đông Nam Bộ (Nam Côn Sơn và Sư Tử Trắng) đã đã sụt giảm về sản lượng. Năm 2019, nguồn cung khí cho Đông Nam Bộ đã giảm từ 20 triệu m3/ ngày xuống 16,5 triệu m3/ ngày. Các nhà máy khí đốt phải chạy bằng dầu DO vào mùa cao điểm, như Nhơn Trạch 1 (108,11 triệu kwh) và Nhơn Trạch 2 (5,87 triệu kWh). Các nhà máy điện Cà Mau cũng đang đối phó với tình trạng thiếu khí ở mỏ PM3-CAA 7 Cái Nước và cơ chế giá khí tăng từ mức 46%MFO lên 90%MFO từ tháng 10/2019.

2.2 Giá khí bán cho các nhà máy điện được điều chỉnh biến động theo giá dầu

Từ tháng 4/2014, Chính phủ đã ban hành quy định về cơ chế tính giá khí theo giá thị trường. Cụ thể, giá khí sẽ bằng 46% giá dầu MFO (giá dầu FO bình quân tháng tại thị trường Singapore) cộng chi phí vận chuyển. Tuy nhiên, từ tháng 1/2016 cơ chế được sửa thành 46% giá dầu MFO cộng chi phí vận chuyển nhưng không thấp hơn mức giá sàn. Do vậy, mặc dù giá dầu đang có xu hướng giảm nhưng giá khí bán cho các nhà máy điện trong khoảng thời gian này vẫn vào khoảng 5 USD/MMBTU.

So sánh biến động giá dầu MFO (Singapore) và giá khí LNG thị trường TQ nhập khẩu từ Mỹ

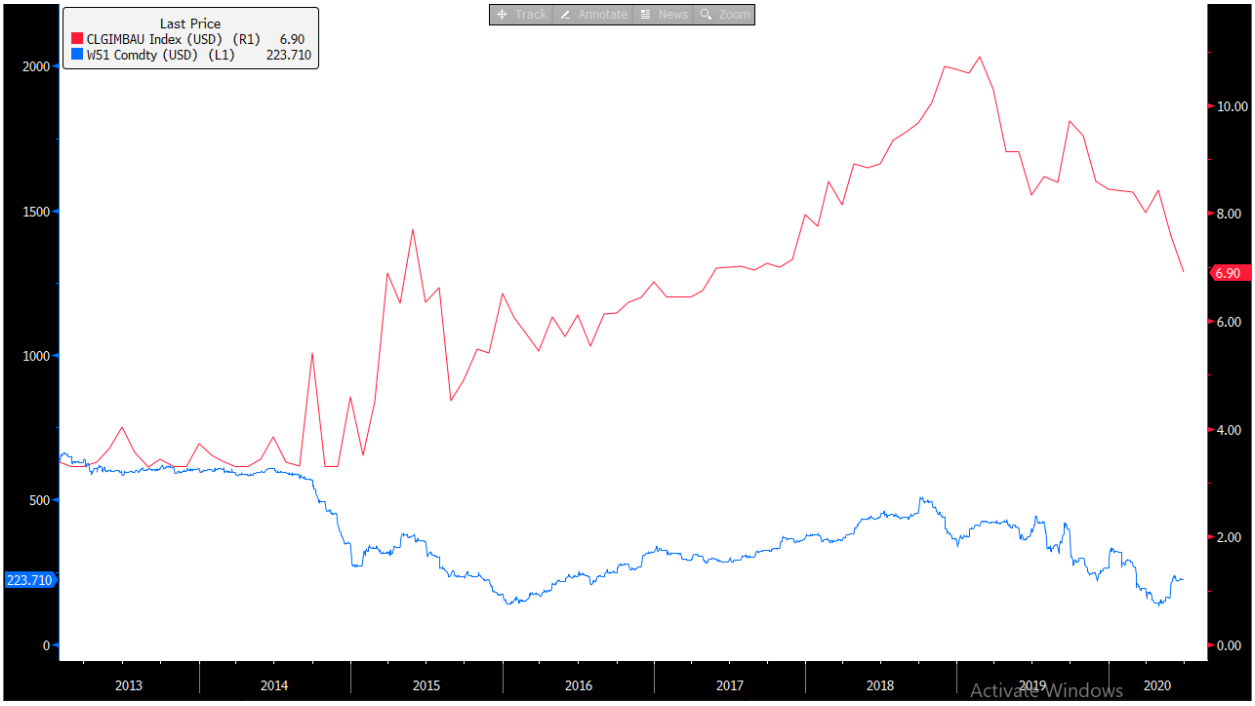

3. *Nguồn cung than và giá nhập khẩu*

6T2020, Vinacomin cung cấp 23,7 triệu tấn than (+3,8%yoy), trong đó có 2,4 triệu than nhập khẩu từ thị trường Úc (+4,3% so với cùng kỳ). Lượng than cung cấp chủ yếu cho sản xuất điện với 20,45 triệu tấn (chiếm hơn 86% sản lượng), tăng 2,1 triệu tấn so với cùng kỳ năm 2019.

Giá than thế giới giảm 20% trong 6 tháng đầu năm 2020 tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà máy điện tự nhập khẩu than mà không phụ thuộc hoàn thoàn vào TKV. Giá than nhiệt của Australia (chỉ số giá than Newcastle hàng tuần, do Argus công bố) đã giảm xuống 48,14 USD/tấn trong tuần kết thúc vào 26/6/2020, mức thấp nhất kể từ tháng 11/2006 và thấp hơn 31% so với mức cao nhất của năm 2020 (là 69,59 USD/tấn, đạt được giữa tháng 1/2020).

Giá than Newcastle (Úc)

Nguồn: Bloomberg

Bảng so sánh giá than đốt giữa nguồn nhập khẩu và trong nước (đồng/kg, tại ngày 25/5/2020)	Than đốt của Úc (chưa bao gồm phí vận chuyển)	Than hỗn hợp của Việt Nam (từ Vinacomin và Đông Bắc)
6000kcal/kg	1.269.905	2.010.000
5500kcal/kg	1.071.846	1.906.000

Nguồn: Bộ Công Thương, Bloomberg, ERAV

III. XU HƯỚNG ĐẨY MẠNH NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO

Nhu cầu sử dụng điện của nước ta là rất lớn với các nhân tố thúc đẩy như: (1) sự bùng nổ của dân số đặc biệt là tầng lớp trung lưu, (2) sự đẩy mạnh tốc độ đô thị hóa, (3) các tòa nhà văn phòng và chung cư xây dựng ngày càng nhiều. Và với tốc độ tăng trưởng sản lượng điện hàng năm luôn trên 10% nên khả năng thiếu hụt nguồn điện sẽ không thể tránh khỏi, ngoài ra chưa có sự cạnh tranh trong giá bán điện nên về mặt bản chất ngành điện được không khác gì ngành không có đối thủ cạnh tranh.

- ***Nhu cầu tiêu thụ điện tăng mạnh trong khi nguồn cung không kịp đáp ứng dẫn đến nguy cơ thiếu điện nghiêm trọng từ năm 2021***

Theo Quy hoạch điện VII điều chỉnh, sản lượng điện thương phẩm của Việt Nam ước tính đạt khoảng 235 – 245 tỷ kWh vào năm 2020, 352 – 379 tỷ kWh vào năm 2025 và tăng mạnh vào năm 2030, đạt khoảng 506 – 559 tỷ kWh. Tốc độ tăng trưởng tiêu thụ điện ước tính giai đoạn 2020 – 2025 là 8.42%, giai đoạn 2025 – 2030 là 7.53%. Tổng công suất nguồn điện cũng được quy hoạch tăng trưởng với tốc độ tương ứng. Cụ thể, tổng công suất các nhà máy điện đến năm 2020 là 60,000 MW, tăng 1.5 lần lên 96,500 vào năm 2025 và tăng gấp đôi vào năm 2030 lên 129,500 MW.

Dự kiến công suất các nguồn điện hoàn thành giai đoạn 2019-2030

Năm/Giai đoạn	Tổng công suất vào vận hành (MW)		Chênh lệch (MW)
	Theo QHĐ VII điều chỉnh	Sau rà soát	
2019	6,230	3,650	-2,580
2020	4,571	3,230	-1,341
Giai đoạn 2021 - 2025	**38,010**	**30,485**	**-7,525**
2021	9,435	4,520	-4,915
2022	10,290	3,890	-6,400
2023	7,185	6,635	-550
2024	5,250	8,170	2,920
2025	5,850	7,270	1,420
Giai đoạn 2025 - 2030	**36,192**	**34,382**	**-1,810**
2026	6,482	7,792	1,310
2027	5,660	6,270	610
2028	7,890	8,340	450
2029	8,950	7,310	-1,640
2030	7,210	4,670	-2,540

Nguồn: Bộ Công thương

Tuy nhiên, theo báo cáo chính thức Bộ Công thương công bố vào tháng 6 năm 2019, trong 62 dự án nhà máy điện có công suất lớn trên 200 MW thì có đến 47 dự án chậm tiến độ hoặc chưa xác định tiến độ so với tiến độ nêu trong Quy hoạch điện VII điều chỉnh. Điều này dẫn đến tổng công suất các nguồn điện có khả năng đi vào vận hành thấp hơn Quy hoạch 10,000 MW. Do đó, hệ thống dự phòng điện hầu như không còn đến cuối năm 2019 và bắt đầu từ năm 2021 sẽ xảy ra tình trạng thiếu hụt điện nghiêm trọng. Trong đó, miền Nam vẫn la nơi thiếu hụt điện nhiều nhất với mức thiếu hụt dự báo tăng từ 3.7 tỷ kWh vào năm 2021 lên gần 10 tỷ kWh vào năm 2022 và cao nhất là thiếu 12 tỷ kWh vào năm 2023.

Xu hướng phát triển nguồn điện: Đẩy mạnh phát triển năng lượng tái tạo trên toàn cầu và cả Việt Nam

- **Theo chính sách các quốc gia lớn, tốc độ tăng trưởng nhu cầu điện sẽ gấp đôi so với nhu cầu năng lượng.** Tăng trưởng sử dụng điện trong Chính sách Chính phủ được dẫn đầu bởi động cơ công nghiệp (đặc biệt là ở Trung Quốc), tiếp theo là thiết bị gia dụng, máy làm mát và xe điện. Trong Kịch bản Phát triển Bền vững, điện là một trong số ít nguồn năng lượng có mức tiêu thụ ngày càng tăng vào năm 2040 - chủ yếu là do xe điện - cùng với việc sử dụng trực tiếp năng lượng tái tạo và hydro. Theo IEA, tỷ lệ điện tiêu thụ hiện nay chưa bằng một nửa so với dầu nhưng sẽ vượt qua dầu vào năm 2040.

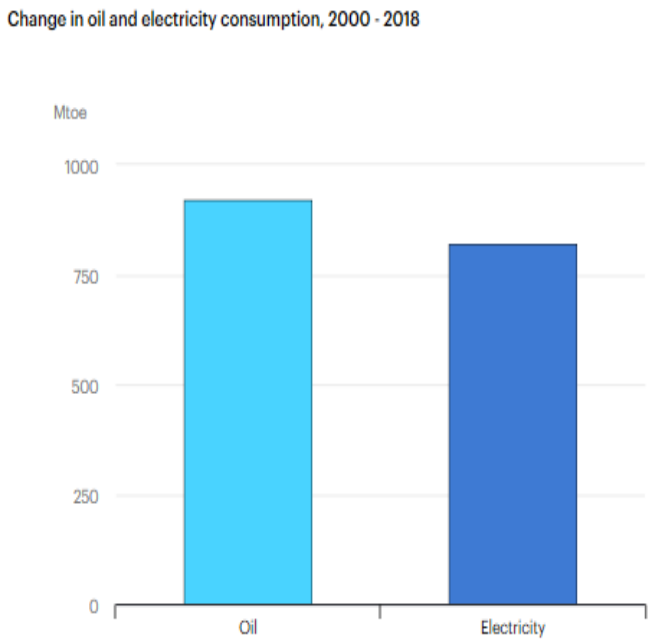

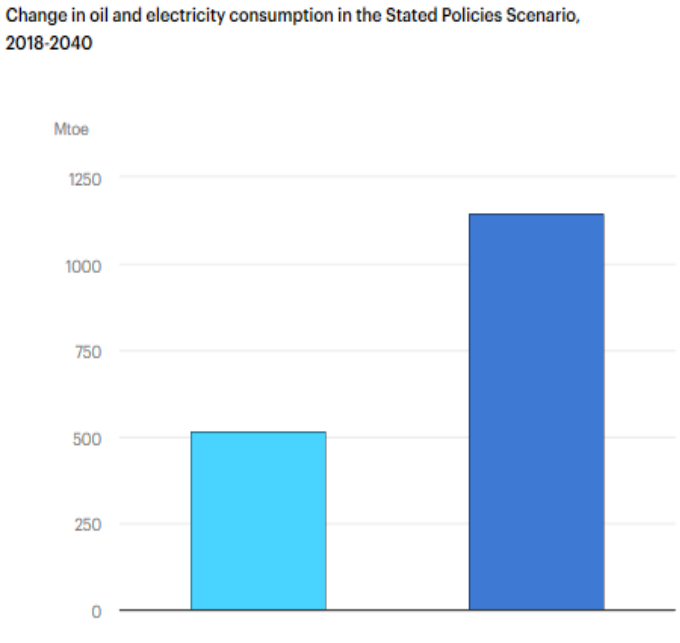

Nguồn: IEA

- **Theo dự báo của IEA, với các chính sách hiện tại, năng lượng tái tạo như gió, điện mặt trời và thủy điện sẽ vượt qua nhiên liệu than đá trở thành nguồn sản xuất điện chiếm ưu thế trên thế giới vào năm 2030, đóng góp tới 42% sản lượng điện toàn cầu.** Trong khi than sẽ giảm xuống còn 34%. Điện gió và điện mặt trời là sẽ có hiệu suất cao nhất, cùng đó thủy điện chỉ chiếm 15% tổng sản lượng điện vào năm 2040 và hạt nhân (8%).

Công suất nguồn điện theo Chính sách trên toàn cầu dự báo trong giai đoạn 2000-2040

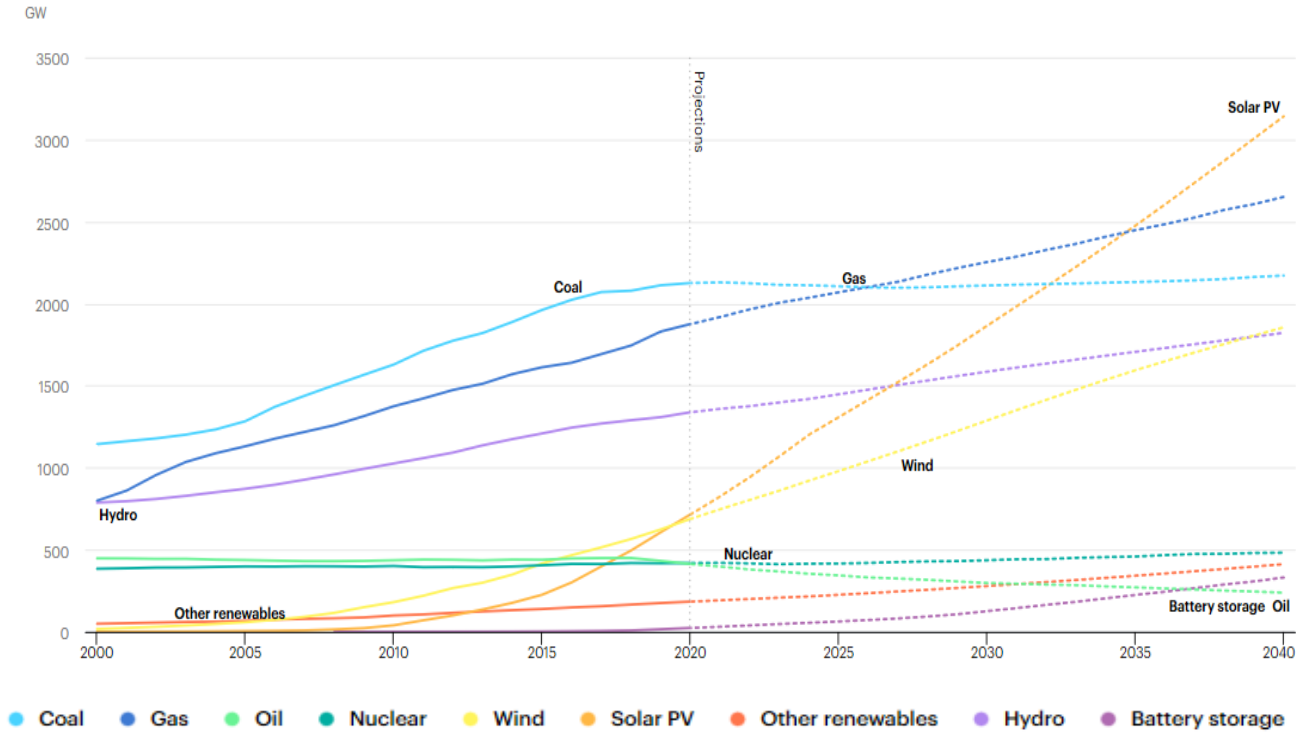

Nguồn: IEA

Tại Việt Nam, Hiện nay nguồn thủy điện đã cơ bản khai thác hết, nhiệt điện khí có chi phí đắt, năng lượng tái tạo đang ở giai đoạn bắt đầu vì thế nhiệt điện than vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu ngành điện để đảm bảo an ninh năng lượng, đáp ứng nhu cầu điện ngày càng cao.

Cơ cấu nguồn điện theo Dự thảo Quy hoạch điện số 8 (nghìn MW)

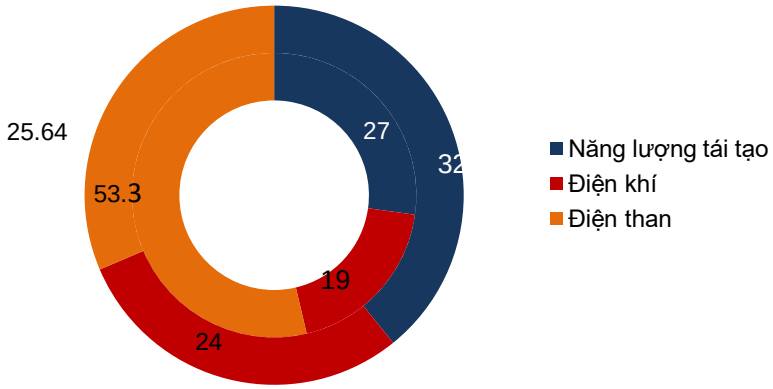

- **Năng lượng tái tạo được hưởng lợi từ hỗ trợ của Chính phủ và được dự kiến sẽ phát triển mạnh trong 5 năm tới**: Trong khi nhu cầu điện vẫn tiếp tục tăng trung bình 10%/năm, năng lượng tái tạo là giải pháp quan trọng để giải quyết vấn đề nguồn điện sau năm 2020 khi cả nước không có nhiều nguồn đưa vào khai thác mới. Chính phủ đang có nhiều chính sách khuyên khích năng lượng tái tạo (1) ưu đãi về giá điện gió (với mức giá điện trong đất liền là 8,5 Uscents/kWh và điện gió trên biển là 9,8 Uscents/kWh)

đến cuối năm 2021, (2) giá điện mặt trời ưu đãi cho các dự án vận hành thương mại trước 31/12/2020 (từ 1.644 đồng-1.943/ kwh).

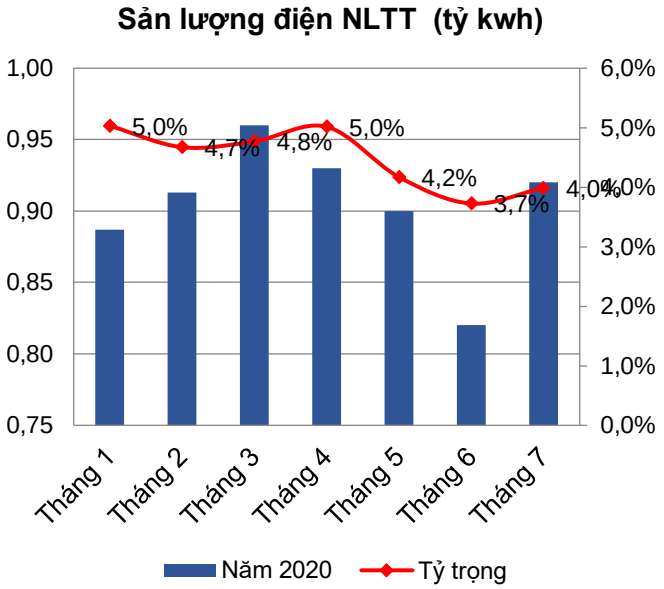

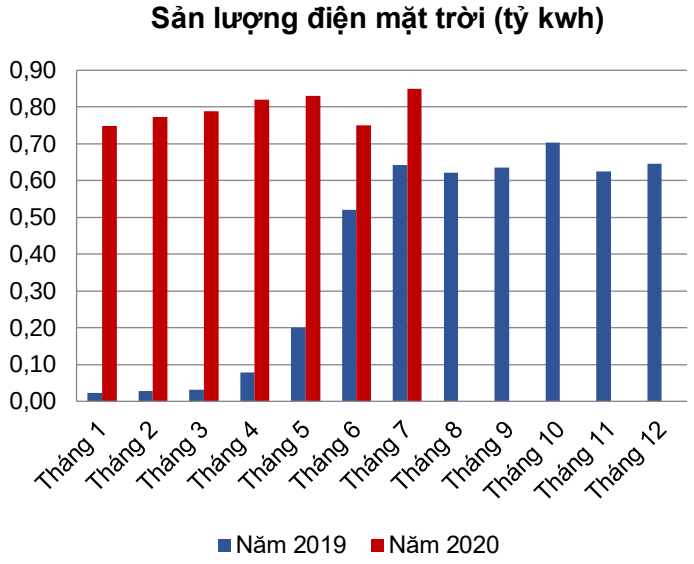

Nguồn: EVN, PSI tổng hợp

- **Sản lượng điện tái tạo đã tăng nhanh trong 6 tháng đầu năm 2020 nhờ chính sách thúc đẩy của Chính phủ:** tổng sản lượng điện tái tạo năm 2019 chỉ đạt 5.89 tỷ kwh (chiếm 2.7% tổng sản lượng điện) đã tăng mạnh trong nửa đầu năm, chủ yếu là đóng góp của điện mặt trời. Sản lượng điện mặt trời tăng mạnh từ giữa năm 2019 đến nay do các Nhà đầu tư và người dân đầu tư sản xuất điện mặt trời áp mái. Tính đến cuối tháng 6.2020, cả nước có 36.161 dự án điện mặt trời mái nhà đã đưa vào vận hành với tổng công suất 764,1MWp.

  Lũy kế năng lượng tái tạo 7 tháng đầu năm đạt 6.33 tỷ kwh, gấp 1.07 lần so với cả năm 2019 và tỷ trọng trung bình của năng lượng tái tạo chiếm 4.5% tổng sản lượng. Hạ tầng lưới điện đến cuối tháng 8.2020 đã giải tỏa gần hết công suất của các dự án điện NLTT và tiếp tục được phê duyệt tăng công suất trong thời gian tới.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Tòa nhà Hanoitourist, số 18 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội
ĐT: + 84 4 3934 3888 - Fax: +84 3934 3999
Website: www.psi.vn

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Lầu 1, tòa nhà PVFCCo, số 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84-8) 3914 6789
Fax: (84-8) 3914 6969

Chi nhánh TP. Vũng Tàu
Tầng 5, tòa nhà Silver Sea, số 47 Ba Cu, Tp. Vũng Tàu
Điện thoại: (84-64) 254520/22/23/24/26
Fax: (84-64) 625 4521

Chi nhánh TP. Đà Nẵng
Tầng 3, tòa nhà số 53 Lê Hồng Phong, Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Điện thoại: (84-511) 389 9338
Fax: (84-511) 389 9339

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

Đào Hồng Dương
Giám đốc Trung tâm Phân Tích
Email: duongdh@psi.vn

Đỗ Trung Thành
Phó Phòng PTDN
Email: thanhdt@psi.vn

Ngô Hồng Đức
Chuyên viên phân tích
Email: ducnh@psi.vn

Phạm Hoàng
Chuyên viên phân tích
Email: phamhoang@psi.vn

Lê Thị Hà Giang
Bộ phận truyền thông
Email: gianglth@psi.vn

Đồng Khau Tú
Chuyên viên phân tích
Email: tudk@psi.vn

Nguyễn Văn Dương
Chuyên viên phân tích
Email: duongnv@psi.vn

Vũ Huyền Hà My
Bộ phận truyền thông
Email: myvhh@psi.vn

Nguyễn Hoàng Minh Hương
Chuyên viên phân tích
Email: huongnhm@psi.vn

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Các thông tin và nhận định trong báo cáo này được PSI đưa ra dựa trên những nguồn tin mà PSI coi là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Tuy nhiên, PSI không đảm bảo tính đầy đủ và chính xác tuyệt đối của các thông tin này.
Báo cáo được đưa ra dựa trên các quan điểm của cá nhân chuyên viên phân tích, không nhằm mục đích chào bán, lôi kéo nhà đầu tư mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng báo cáo này như một nguồn tham khảo cho quyết định đầu tư của mình và PSI sẽ không chịu bất cứ trách nhiệm nào trước nhà đầu tư cũng như đối tượng được nhắc đến trong báo cáo này về những tổn thất có thể xảy ra khi đầu tư hoặc thông tin sai lệch về đối tượng được nhắc đến trong báo cáo này.